ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUAN HỆ THƯỢNG HẠ VỊ TRONG GIẢNG DẠY TỪ VỰNG CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Chu Thị Phương Vân
Khoa: Tiếng Anh, Trường ĐHNN, ĐHQG Hà Nội

Tóm tắt: *Bài báo giới thiệu khái niệm hạ danh, mô tả mối quan hệ phân cấp giữa các từ trong đó một thuật ngữ chung bao gồm một số thuật ngữ cụ thể. Sau đó, bài viết khám phá cách học từ vựng theo nhóm có liên quan có thể tạo điều kiện cho người học ghi nhớ dễ dàng và hiệu quả hơn.*

Từ khóa: *từ vựng, hạ danh, cấp trên.*

APPLYING HYPONYMY-HYPERNYMY RELATIONSHIPS IN VOCABULARY TEACHING FOR FIRST-YEAR STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF ENGINEERING AND TECHNOLOGY – VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

Chu Thi Phuong Van
Faculty of English, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi

Abstract: *This paper introduces the concept of hyponymy and describes the hierarchical relationships between words, in which a general term encompasses several specific terms. It then explores how learning vocabulary in semantically related groups can facilitate easier and more effective memorization for learners.*

Keywords*: vocabulary, hyponymy, hypernym.*

Nhận bài: 03/06/2025 *Phản biện: 05/07/2025* *Duyệt đăng: 10/07/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học từ vựng trong giảng dạy ngoại ngữ là công cụ giao tiếp và nền tảng có thể nắm vững các kỹ năng ngôn ngữ. Khả năng nói, nghe, đọc và viết tiếng Anh phụ thuộc rất nhiều vào từ vựng; từ vựng là yếu tố then chốt để xác định khả năng ngôn ngữ của người học. Với sinh viên (SV) năm thứ nhất tại Đại học Công nghệ, ĐHQGHN, việc ghi nhớ số lượng lớn từ mới theo cách truyền thống là rất khó khăn. Do đó, vốn từ vựng của SV hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp thu ngôn ngữ và là một thách thức khi học tiếng Anh. Do đó, việc tăng cường khả năng ghi nhớ từ vựng của SV là điều vô cùng quan trọng. Có rất nhiều cách để giúp người học ghi nhớ từ vựng cả ngắn hạn và lâu dài một cách nhanh chóng và hiệu quả như từ đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng từ vựng … . Bài viết đề cập đến khái niệm hyponymy, tức là mối quan hệ phân cấp giữa các từ, trong đó một từ tổng quát bao gồm nhiều từ cụ thể, sau đó phân tích cách học từ vựng theo nhóm liên quan như vậy lại giúp người học ghi nhớ dễ dàng hơn.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm từ vựng

Ngữ pháp, phát âm, từ vựng được coi là một trong những yếu tố cốt lõi để có thể làm chủ một ngôn ngữ; đồng thời là nền tảng cơ bản, là đơn vị ý nghĩa mà từ đó các cấu trúc lớn hơn, chẳng hạn như câu, đoạn văn và toàn bộ văn bản, được xây dựng. Evelyn Hatch và Cheryl Brown (1995) cho rằng: "Từ vựng là một tập hợp các từ dành cho một ngôn ngữ cụ thể hoặc một tập hợp các từ mà cá nhân người nói ngôn ngữ đó có thể sử dụng". Còn theo Wehmeier, et al., (2005) thì từ vựng được định nghĩa là "tất cả các từ trong một ngôn ngữ cụ thể" Trong giáo học pháp, Penny Ur (1996) cho rằng từ vựng là những từ chúng ta dạy bằng tiếng nước ngoài; có thể được tạo thành từ một hoặc nhiều hơn một từ nhưng đều diễn đạt một ý duy nhất. Tóm lại, từ vựng là một yếu tố thiết yếu của ngôn ngữ, bao gồm ý nghĩa và cách sử dụng các từ đó. Chỉ khi nào tích lũy được một số từ vựng nhất định thì người học mới có thể giao tiếp dễ dàng bằng ngôn ngữ mà họ đang học.

2.2. Tầm quan trọng của việc học từ vựng

Khi nói đến việc học một ngôn ngữ, người ta thường nghĩ ngay đến việc phải tích lũy vốn từ vựng vì đó là nền tảng của mọi kỹ năng ngôn ngữ, bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Cần thiết cho cả việc hiểu và tạo ra ngôn ngữ. Dù người học có nắm chắc ngữ pháp đến đâu mà không có một vốn từ nhất định thì cũng không truyền tải được thông tin bởi ngữ pháp không đủ để giúp chúng ta bày tỏ cảm xúc, quan điểm. Người học ngoại ngữ, khi hiểu được ý nghĩa của từ thì họ sẽ cải thiện khả

năng biểu đạt, hiểu rõ hơn các văn bản phức tạp, diễn đạt ý tưởng một cách chính xác và mạch lạc hơn.

Nunan (1991) cho rằng " Vốn từ vựng dồi dào không thể đảm bảo năng lực học tiếng Anh của người học, nhưng việc thiếu vốn từ vựng sẽ cản trở cơ hội thành công trong việc học tiếng Anh của họ".

Do đó, giáo viên phải nhận thức được tầm quan trọng của từ vựng và có phương pháp dạy từ vựng phù hợp, hiệu quả với người học.

2.3. Hệ thống thượng hạ vị của từ (hyponomy)

2.3.1.Định nghĩa

Có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm này. Murphy (2008) cho rằng: "Mối quan hệ thượng hạ vị là mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ, trong đó nghĩa của một từ nào đó được bao hàm trong nghĩa của một từ khác. Ví dụ, nghĩa của từ "dog" (con chó) được bao hàm trong nghĩa của từ "animal" (động vật). Điều này có nghĩa là "mọi con chó đều là động vật, nhưng không phải con vật nào cũng là con chó." Theo Yule (2006) thì hạ vị từ là một từ hoặc cụm từ có trường ngữ nghĩa cụ thể hơn so với thượng vị từ của nó. Phạm vi ngữ nghĩa của thượng vị từ hay danh từ khái quát, thường được phân loại là cấp trên, có vùng nghĩa rộng hơn vùng nghĩa của hạ vị từ hay danh từ cụ thể.

Những định nghĩa này tuy nhấn mạnh các khía cạnh khác nhau của mối quan hệ nhưng đều có chung khái niệm cơ bản rằng hyponymy là một hệ thống trường từ vựng, trong đó thượng vị từ là từ có nghĩa bao hàm những từ khác có trường nghĩa hẹp hơn, được gọi là hạ vị từ.

Dưới đây là ví dụ về nhóm từ vựng thể hiện dưới dạng hyponymy:

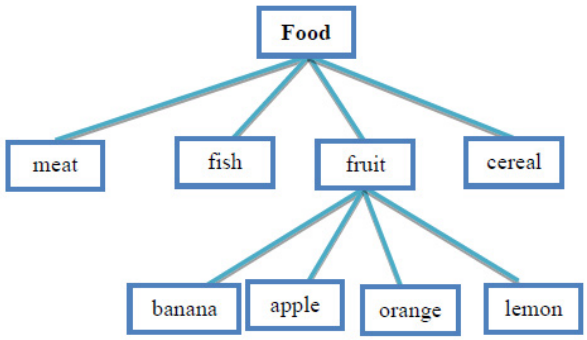

Sơ đồ giống như hình một cái cây. Từ nằm trên cùng là từ có giới hạn nghĩa bao quát (thượng vị) và các từ bên dưới là các từ có giới hạn nghĩa chi tiết (hạ vị). Nói cách khác, những từ bao hàm các từ khác và có thể biểu đạt nghĩa rộng thì gọi là từ thượng vị, còn những từ mang nghĩa hẹp và cụ thể hơn gọi là từ hạ vị. Như vậy chúng ta thấy mối quan hệ quyết định ý nghĩa của các từ với nhau là mối quan hệ thượng hạ vị, trong đó "*fruit*" (trái cây) là hạ vị của *"food"* (thực phẩm), đồng thời lại là thượng vị của *"banana*" (quả chuối), "apple" (quả táo), "orange" (quả cam), "lemon" (quả chanh). Do đó, bốn loại quả này cũng là hạ vị của "food". Đó là mối quan hệ bắc cầu theo hệ thống, tức là nếu A là hạ vị của B, đồng thời là thượng vị của C thì suy ra C cũng là hạ vị của B.

2.3.2. Lý do áp dụng hệ thống thượng hạ vị trong dạy từ vựng

Theo Marianne Celce Murcia (1991), một trong những cách hiệu quả mà giáo viên sử dụng để giúp học sinh học từ mới là cung cấp ví dụ hoặc kết nối một từ với một từ khác có liên quan mà người học đã biết trước đó. Giáo viên cần chú ý đến mối quan hệ quan trọng giữa các từ trong tập hợp từ vựng vì việc học một từ nào đó sẽ trở nên dễ dàng hơn nếu xác định được từ đó thuộc về lớp đối tượng cấp trên hoặc cấp dưới nào. Mối quan hệ thượng hạ vị là chính là mối quan hệ tạo ra sự liên kết về ngữ nghĩa đó. Nếu người học biết được một từ thượng vị có nghĩa bao quát, họ có thể dễ dàng ghi nhớ các từ hạ vị cụ thể. Và khi đã biết một từ hạ vị, người học có thể ghi nhớ thêm các đồng hạ vị liên quan và quy chiếu xem các từ này thuộc từ thượng vị nào. Bằng cách này, người học có thể xây dựng vốn từ vựng của mình một cách bài bản, có hệ thống. Ví dụ, nếu người học biết từ thượng vị "*animal"* (động vật), họ sẽ dễ dàng học các từ hạ vị như "*dog*" (con chó), "*cat*" (con mèo), "*bird"* (con chim). Tương tự, nếu họ gặp từ "*lion*" (con sư tử) mà chưa biết, họ có thể tra cứu và nhận ra nó thuộc thượng vị "*animal*" (động vật). Nhờ phương pháp này, quá trình học từ vựng sẽ trở nên logic và hiệu quả hơn, giúp người học dễ dàng ghi nhớ từ vựng, nhờ đó mà tăng cường vốn từ và mở rộng kiến thức của mình.

Với phương pháp dạy từ vựng khoa học và có tính chất hệ thống người học được tiếp cận với sự phân tầng về nghĩa của từ vựng, giúp họ hiểu nghĩa của từ một cách sâu hơn và biết được sự khác biệt giữa các từ trong cùng một chủ đề. Ngoài ra, giúp cho người học phát triển các chiến lược nhận thức như gộp nhóm và quy chiếu đối tượng, đồng thời

cải thiện khả năng tự học của mình. Người học có thể mô tả mối liên hệ trong một mạng lưới từ vựng lớn vì một từ nhất định không chỉ có một mối liên hệ với một từ mà nó còn nằm trong mối liên hệ với nhiều từ khác.

2.3.3. Một số hoạt động dạy từ vựng bằng cách sử dụng quan hệ thượng hạ vị

Woodward in Shelley (2010) đã đưa ra một ví dụ về trình tự trong hoạt động dạy từ vựng sử dụng hyponomy như sau:

✓ GV cung cấp cho người học một danh sách các từ thượng vị như: đồ dùng trong gia đình, thực phẩm, nghề nghiệp ..

✓ Mỗi người học sẽ được chọn hoặc được giao một từ thượng vị nào đó.

✓ Sau đó, người học sẽ phải viết ra giấy càng nhiều từ hạ vị càng tốt thuộc phạm vi ngữ nghĩa của từ thượng vị đó. Ví dụ, từ food có thể bao gồm các từ như bread, meat, egg, etc.

✓ Người học phải viết các từ đã biết, chứ không phải tra từ điển để tìm từ chưa biết.

✓ Sau một khoảng thời gian nhất định, người học sẽ chuyển tờ giấy đó cho người học tiếp theo để bổ sung những từ chưa được liệt kê.

✓ Hoạt động vẫn tiếp diễn cho đến khi người học nhận được tờ giấy ban đầu của mình và tra cách phát âm của các từ qua từ điển.

✓ Những bảng từ này sẽ trở thành từ điển trong lớp học.

Wanghongyuan & Chen yanxi (2010) cũng đưa ra một ví dụ để dạy từ vựng sử dụng mối quan hệ thượng hạ vị.

GV: "*What is your father's job?"*

SV: " *He's a teacher / policeman / nurse / doctor / businessman /, etc ..."*

Hoạt động này có thể sử dụng mẫu câu cố định để giúp người học luyện ghi nhớ những từ hạ vị càng nhiều càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn về cùng một chủ đề. Như vậy người học có thể đạt được mục đích tích lũy vốn từ, đồng thời luyện tập khả năng giao tiếp.

GV có thể đưa ra một từ thượng vị bất kì và nêu một hay hai ví dụ về từ hạ vị, sau đó yêu cầu người học lần lượt bổ sung các đồng hạ vị khác. Phương pháp này khiến cho hoạt động học từ vựng đỡ nhàm chán, không khí lớp học được thoải mái và khiến SV hứng thú, nhiệt tình hơn.

GV có thể thiết kế các câu hỏi đa lựa chọn như:

Which word is different from others?

A. shelf *B. furniture*

B. wadrobe *D. chair*

Người học có thể vận dụng mối quan hệ thượng hạ vị từ để tìm câu trả lời cho dạng bài tập này. Trong câu này, B là thượng vị của 3 từ còn lại, bao quát nghĩa của 3 từ này. ba từ còn lại là những từ hạ vị thông thường của furniture. Do đó, B là đáp án.

GV có thể tổ chức trò chơi bằng cách liệt kê các từ thượng vị như instruments, months, clothing, natural disasters, housing … và yêu cầu người học viết các từ hạ vị. Người chiến thắng là người liệt kê câu trả lời đầy đủ nhất. Hoạt động nay khiến người học hứng thú hơn, học hỏi được số lượng từ vựng phong phú theo chủ đề.

GV có thể hướng dẫn người học tạo sơ đồ từ vựng theo chủ đề dưới nhiều dạng thức khác nhau để có thể học từ một cách hệ thống, hiệu quả hơn. Ví dụ, khi học về chủ đề môi trường, người học có thể tự tạo ra các từ liên quan từ khái quát đến cụ thể để việc ghi nhớ từ mới được dễ dàng và hiệu quả hơn. Ví dụ:

ENVIRONMENT	Environmental issues	climate change desertification biodiversity loss deforestation pollution	
	Natural resources	Renewable	solar wind hydro wave tidal
		Non-renewable	coal oil natural gas
	Ecosystem	forest desert grassland marine wetland	

III. KẾT LUẬN

Từ vựng là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định khả năng tiếp thu ngôn ngữ của người học. Với SV năm thứ nhất trường Đại học Công nghệ, vốn từ của SV hạn chế vì cảm thấy rất khó để có thể nhớ được một số lượng lớn từ vựng mà hầu như không có quy luật nào. Do đó, SV hay quên từ và từ đó thấy chán nản, không hứng thú với việc học tiếng Anh. Nhiệm vụ của GV là cần áp dụng các PPDH từ vựng phù hợp và hiệu quả để giúp tăng cường vốn từ cho người học. Thực tế là từ vựng trong tiếng Anh có những quy tắc nhất định và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, chẳng hạn như về trường nghĩa và hệ thống thượng hạ vị. Vì vậy, GV có thể áp dụng cách thức này khi giảng dạy để tạo hứng thú cho người học, khiến cho việc ghi nhớ từ mới dễ dàng và hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hatch, Evelyn & Brown, Cheryl. (19795). Vocabulary, Sematic, and Language Education. Cambridge: Cambrigde University Press.

2. Nunan, D. (1991). Language Teaching Methodology. Sydney: Macquarie University.

3. Oanh, L. T. K. (2018). Sử dụng mối quan hệ hyponymy trong việc phát triển vốn từ vựng tiếng Anh cho sinh viên đại học. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 44(2), 22-30.